



BÁO CÁO ĐỒ ÁN

Khóa học: Nhập Môn Công Nghệ Phần Mềm Học kỳ I (2021-2022)

ĐỀ TÀI: QUẢN LÝ CÁC ĐẠI LÝ

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

- . Pham Minh Quang(Lead) 19522099
- . Lê Văn Phúc 19522033
- . Trần Lương Tiến Sĩ 19522128

CS4273.M12.CTTT NHÓM 1

GVPT: Nguyễn Tuấn Nam

GVHD: Vũ Tuấn Hải

Chương 1.

1.1 khảo sát hiện trạng.

dưới sự ảnh hưởng của dịch covid-19 vì thế ngày nay n người dân hạn chế đi ra ngoài và hạn đi đến những nơi đông người để mua đồ ăn, mua đồ dùng dân dụng. chính vì thế nên các trang bán hàng thương mại điện tử được ra đời. các trang thương mại điện tử này sẽ giúp người dân hạn chế đi ra ngoài và đến những nơi đông người đồng thời giúp người bán hàng cũng như là các doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường trước sự ảnh hưởng dịch. Chúng tôi xây dựng trang thương mại điện tử để đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng được nêu trên. Trang thương mại điện tử của chúng tôi sẽ đáp ứng được các nhu cầu sau:

- Chuẩn hóa các công đoan tao phiếu, tính doanh thu và xuất báo cáo.
- Chuẩn hóa nghiệp vụ xuất nhập kho, quản lý sản phẩm và dịch vụ khác.
- Việc mua bán diễn ra một cách nhanh chóng và thuận lợi.

1.2 Định vị người dùng.

1.2.1 khảo sát tổ chức.

quản lý đại lý được tổ chức bao gồm hai bộ phận chính: khách hàng, chủ địa lý

1.2.2 khảo sát nghiệp vụ

trang web thương mại điện tử này kinh doanh hầu hết các loại mặt hàng(vd: điện thoại, giày, quần áo, đồ ăn, thịt,cá, trứng, sữa). doanh thu đến từ việc chênh lệch giá và các dịch vụ khác.

1.2.2.1 quy trình tìm kiếm danh sách sản phẩm và đại lý

- bước 1: khách hàng click vào ô textbox tìm kiếm ở phía trên ở trang web hiện hành ngoại trừ trang đăng nhập và trang đăng ký.
- Bước 2: khách hàng nhập tên sản phẩm hoặc đại lý muốn mà bạn muốn tìm kiếm
- Bước 3: nhấn enter để xem kết quả

1.2.2.2quy trình đăng ký.

- Bước 1: người dung truy cập vào trang đăng ký
- Bước 2 : người dùng nhập lần lượt các trường thông tin.

- Bước 3: người dùng nhấn đăng ký. Nếu việc đăng ký thành công người dùng sẽ được chuyển đến trang chủ, ngược lại thì sẽ hiện thông báo cho người dung biết tại sao việc đăng ký thất bại(vd: email đã tồn tại trên hệ thông, mật khẩu và mật khẩu xác nhận không có khớp với nhau hoặc là mật khẩu quá yếu)

1.2.2.3Quy trình đăng nhập.

- Bước 1: người dùng truy cập và trang đăng nhập.
- Bước 2: người dung nhập lần lượt các trường thông tin
- Bước 3: người dung nhấn đăng nhập, nếu việc đăng nhập thành công người dung sẽ được chuyển hướng đến trang chủ, ngược lại thì sẽ hiện thông báo cho người dung biết tại sao việc đăng nhập thất bại (vd: email sai hoặc là mật khẩu sai)

1.2.2.4Quản lý đại lý

Quản lý đại lý thì cần có các thông tin như giấy phép kinh doanh, họ tên, ngày sinh, số cccd, địa chỉ, loại mặt hàng đang kinh doanh.

Quản lý doanh thu tháng, thuế thu nhập

1.2.2.5Quản lý khách hàng.

Cửa hàng lưu lại danh sách khách hàng và thống kê tần suất mua, giá trị mua. Chủ đại lý sẽ nhìn vào số liệu và xây dựng chiến lược bán hàng hợp lý

1.2.2.6Quản lý sản phẩm

Quản lý sản phẩm bao gồm:

- Thông tin cơ bản: tên sản phẩm, đơn vị tính, đơn giá, giá mua, giá bán.
- Các thông tin khác: ảnh đại diện, tình trạng, thang điểm đánh giá của khác hàng dành cho địa lý.

1.2.2.7Lập phiếu xuất hàng

- Bước 1: khách hàng thực hiện đăng nhập.
- Bước 2: khách hàng lựa chọn sản phẩm
- Bước 3 click vào giỏ hàng và chọn những mặt cần hàng mua, tăng giảm số lượng của sản phẩm của những mặt hàng cần mua.

- Bước 4: khách hàng nhấn vào xác nhận đơn hàng

1.2.2.8Thống kê doanh thu

- bước 1: chủ đại lý vào trang thống kê doanh thu.
- Bước 2: chủ đại lý chọn ngày bắt đầu và kết thúc cần thông kê doanh thu.
- Bước 3: nhấn vào xuất thống kê doanh thu.

1.2.3 khảo sát hiện trạng

1.2.3.1 tình trạng tin học

đối với chủ đại lý là đối tượng từ 18-30 tuổi, đối với quản lý đại lý thường là từ 25-40 tuổi. đối với khách hàng từ 12 tuổi trở lên.

1.2.3.2 tình trạng phần cứng.

phần cứng: hầu hết tất cả các máy tính hiện nay đều có thể có thể truy cập được. yêu cầu cấu hình máy i3 trở lên. Ram từ 4gb trở lên. Ngoài ra thiết bị cần phải có kết nối internet.

1.2.4 danh sách yêu cầu.

Stt	Tên yêu cầu	Biểu mẫu	Qui định	Ghi chú
1		BM1	QĐ1	
	Tiếp nhận đại lý			
2	Lập phiếu xuất hàng	BM2	QĐ2	
3	Tra cứu đại lý	BM3		
4	Lập phí thu tiền	BM4	QĐ4	
5	Lập báo cáo tháng	BM5		
6	Thay đổi qui định		QĐ6	

1.2.5 danh sách và các biểu mẫu yêu cầu.

1.2.5.1biểu mẫu 1 và qui định 1

Tiếp nhận đại lý			
Tên: Loại đại lý:			
Số điện thoại:	Địa chỉ:		
Quận/huyện:	Ngày tiếp nhận:		

Qui định 01: có 2 loại đại lý
(1,2), có 20 quận. trong mỗi quận có tối đa 4 đại lý

1.2.5.2biểu mẫu 2 và qui định 2

BM2	Phiêu xuât hàng				
Đại			Ngày lậ	p	
lý:	lý:		phiếu:	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	
Stt	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số	Đơn giá	Thành tiền
			lượng		
1					
2					
				Tổng tiền:	
				Số tiền	
				trå:	•••••
				Còn	
				lại:	•••••

Qui định 02: có 5 mặt hàng, 3 đơn vị tính. Đại lý loại 1 có tiền nợ tối đa là 20000 và loại 2 tối đang là 50000.

1.2.5.3biểu mẫu 3

BM3	Danh sách đại lý			
STT	Đại lý Loại Quận Tiền nợ			
1				
2				

1.2.5.4biểu mẫu 4 và qui định 4

BM4	Phiếu thu tiền
Đại lý	Địa chỉ
Số điện thoại	Email
Ngày thu tiền	Số tiền thu

Quy định 04: tiền thu không vượt quá số tiền đại lý đang nợ

1.2.5.5biểu mẫu 5

BM5.1		Báo cáo doanh số			
Thá	Tháng				
Stt	Đại lý	Nợ đầu	Tổng trị giá	Tỉ lệ	
1					
2					

BM5.2	Báo cáo công nợ đại lý

Tháng	5			•••••
Stt	Đại lý	Nợ đầu	Phát sinh	Nợ cuối
1				
2				

1.2.5.6qui định 6

QĐ 6: người dùng có thể thay đổi các quy định như sau:

- QĐ 1: thay đổi số lượng các loại địa lý, số địa lý tối đa trong quận

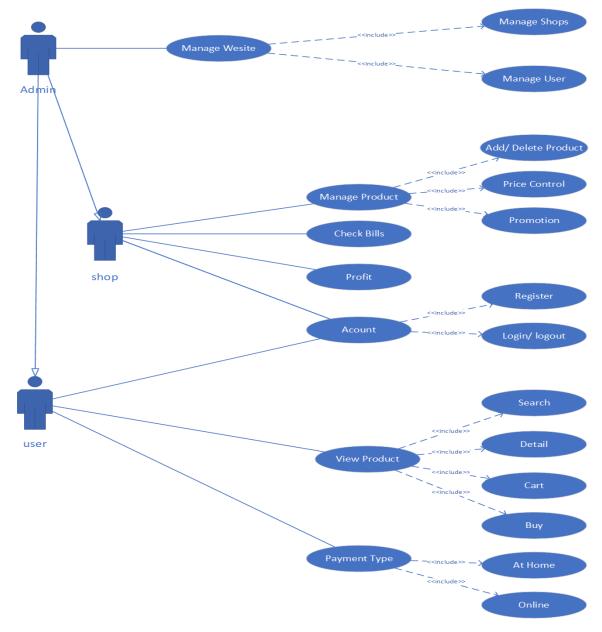
 QĐ 2: thay đổi số lượng mặt hàng và số lượng đơn vị tính, tiền nợ tối đa của từng loại địa lý

CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH USECASE

2.1 Danh sách các actor

	en ede detoi	
STT	Tên Actor	Ý nghĩa
1	Giám đốc	Toàn quyền truy cập
2	Đại lí	Thêm/ xóa/ sửa sản phẩm trong đại lý của mình
3	Khách hàng	Tìm kiếm, mua các sản phẩm có trong các đại lý

2.2 Sơ đồ usecase



2.3 Danh sách các usecase

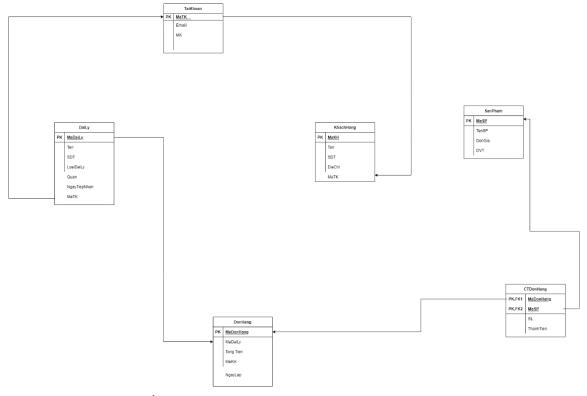
STT	Tên	Ý nghĩa
1	Manage Website	Toàn quyền quản lý các hoạt động trên website
2	Manage Shop	Quản lí các shop được đăng kí trong web
3	Manage User	Quản lí người dung truy cập vào website

4	Manage Product	Quản lí sản phẩm có trong shop
5	Add/ Delete Product	Thêm hoặc Xóa sản phẩm trong shop
6	Price Control	Chỉnh sửa giá của sản phẩm
7	Promotion	Thêm các ưu đãi như giảm giá sản phẩm hoặc mã giảm giá
8	Check Bill	Kiểm tra đơn hàng
9	Profit	Lợi nhuận nhận được khi sản phẩm được bán
10	Acount	Tài khoản của người dùng
11	Register	Đăng kí tài khoản
12	Login/ logout	Đăng nhập hoặc đăng xuất tài khoản
13	View Product	Xem sản phẩm
14	Search	Tìm kiếm sản phẩm
15	Detail	Xem chi tiết sản phẩm được chọn
16	Cart	Thêm vào giỏ hàng sản phẩm được chọn
17	Buy	Mua sản phẩm được chọn

18	Payment Type	Kiểu Thanh toán
19	At home	Thanh toán trực tiếp tại nhà
20	Online	Thanh toán qua ví điện tử

Chương 3 phân tích

- 3.1 Sơ đồ lớp.
 - 3.1.1 sơ đồ lớp mức phân tích.



3.1.2 Danh sách của các lớp đối tượng

Stt	Tên lớp
1	Đại lý
2	Tài khoản
3	Khách hàng

4	Đại lý
5	Sản phẩm
6	Chi tiết đơn hàng

3.1.3 danh sách quan hệ.

Stt	Tên quan hệ
1	Đại lý_tài khoản
2	Khác hàng_ tài khoản
3	Khách hàng_ hóa đơn
5	Đại lý _ hóa đơn
6	Đại lý _sản phẩm
7	Sản phẩm_chi tiết hóa đơn
8	Hóa đơn_chi tiết hóa đơn

3.1.4 mô tả lớp đối tượng

3.1.4.1 đơn hàng.

Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
Lưu thông tin đơn	MaDonHang	Mã đơn hàng
hàng		
liung	MaDaiLy	Mã đại lý
	TongTien	Tổng tiền
	MaKH	Mã khách hàng
	NgayLap	Ngày lập

3.1.4.2 Sản phẩm

Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
	MaSp	Mã sản phẩm

Lưu thông tin các sản	TenSP	Tên sản phẩm
phẩm		
	DonGia	Đơn giá
	DVT	Đơn vị tính

3.1.4.3 Đại lý

Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
Lưu thông tin của đại lý	MaDaiLy	Mã đại lý
ly	Ten	Tên của đại lý
	Sdt	Số điện thoại
	Quan	Quận
	Ngaytiepnhan	Ngày tiếp nhận
	Matk	Mã tài khoản

3.1.4.4 Khách hàng

Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
Luu thông tin khách	Makh	Mã khách hàng
hàng	Ten	Tên khách hàng
	Sdt	Số điện thoại
	Diachi	Địa chỉ
	Matk	Mã tài khoản

3.1.4.5 Chi tiết đơn hàng

Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
	Madonhang	Mã đơn hàng
	Masp	Mã sản phẩm

Lưu thông tin của từng	Sl	Số lượng sản phẩm
sản phẩm có trong đơn	thành tiền	=Số lượng*đơn giá
hàng	thann tien	_50 luọng don gia

3.1.5 Đơn hàng

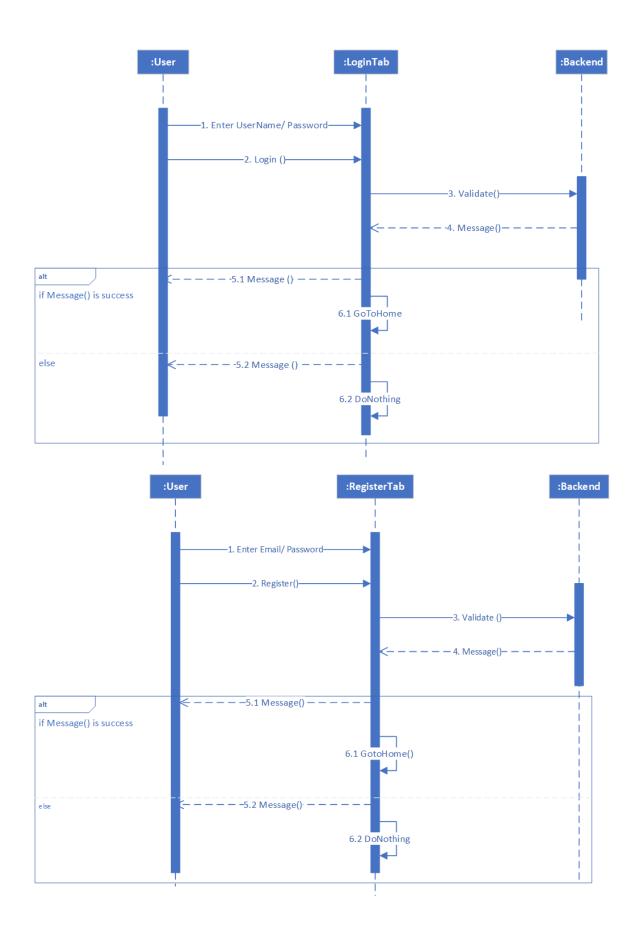
Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
Lưu thông tin của đơn	Madonhang	Mã đơn hàng
hàng	Madaily	Mã đại lý
	Makh	Mã khách hàn g
	Tổng tiền	Giá trị của sản phẩm có trong đơn hàng
	Ngaylap	Ngày lập

3.1.6 tài khoản

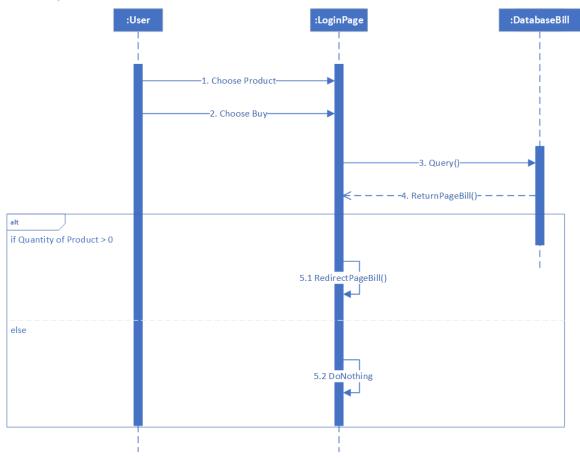
Mô tả	Thuộc tính và hàm	Diễn giải
Lưu thông tin của tài	Matk	Mã tài khoản
Kiloan	Email	Địa chỉ email
	Mk	Mật khẩu

3.2 sơ đồ tuần tự

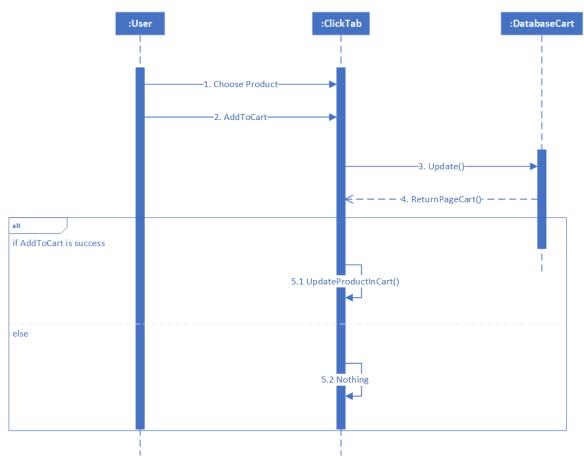
3.2.1 đăng nhập, đăng kí



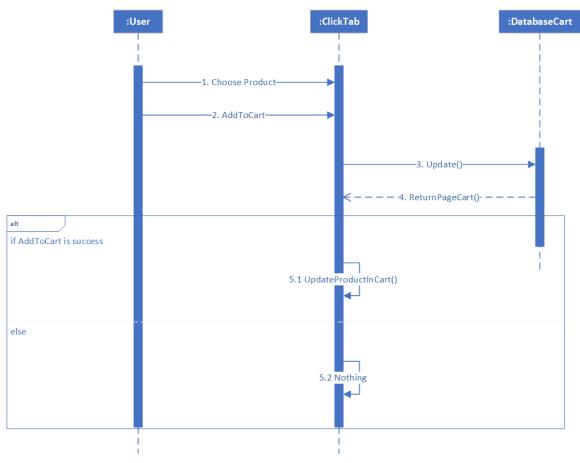
3.2.2 mua hàng



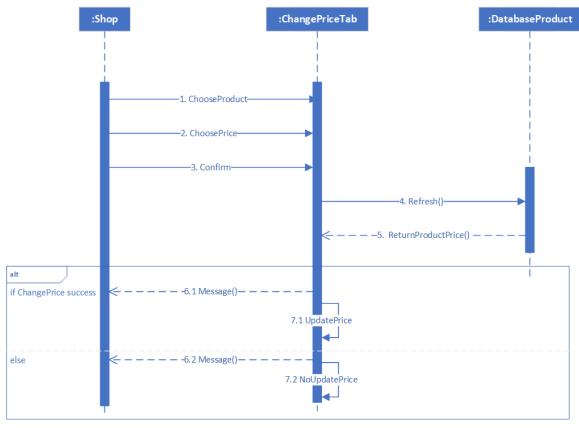
3.2.3 thêm sản phẩm vô giỏ



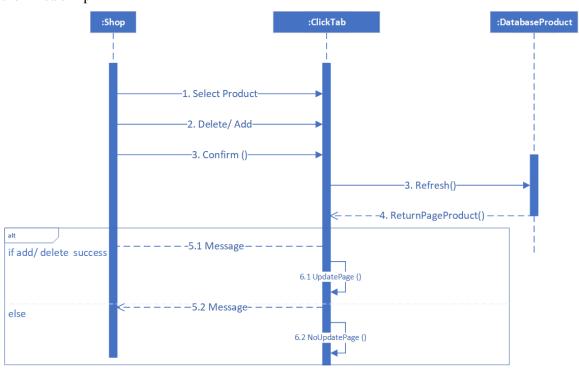
3.2.4 check bill



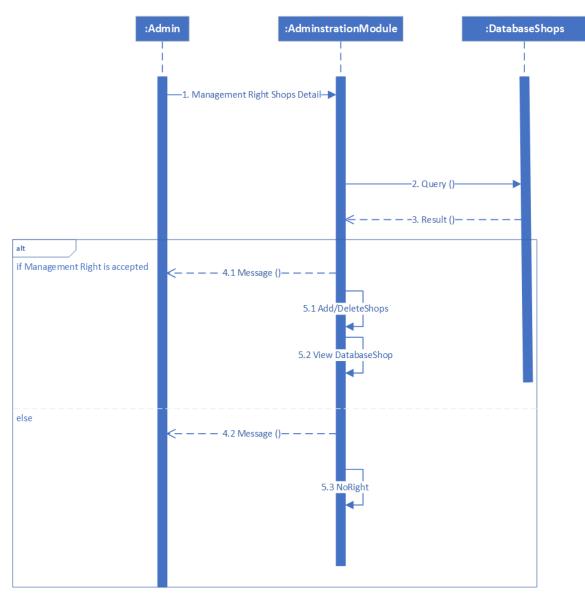
3.2.5 thay đổi giá



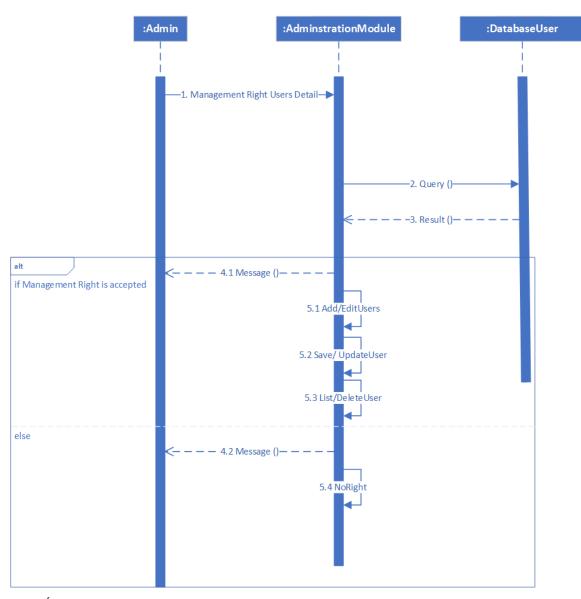
3.2.6 thêm xóa sản phẩm



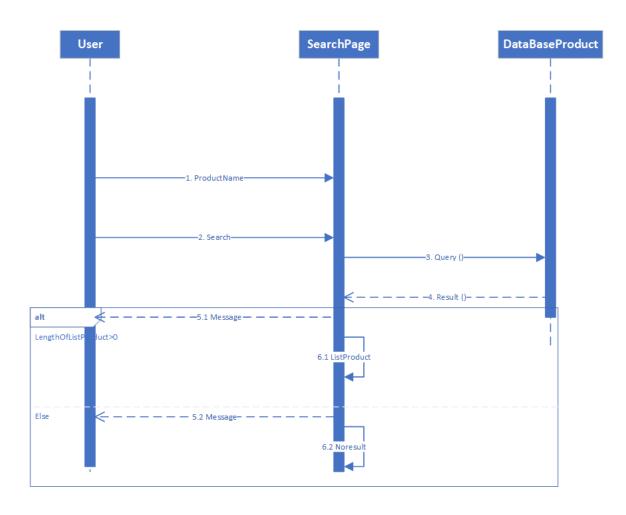
3.2.7 quản lý đại lý



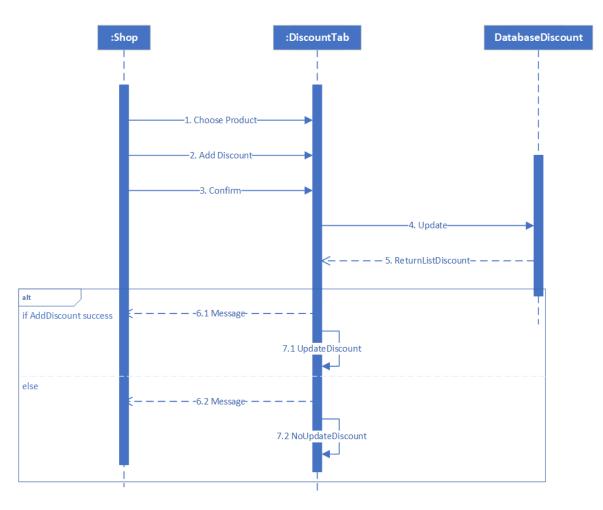
3.2.8 quản lý người dung



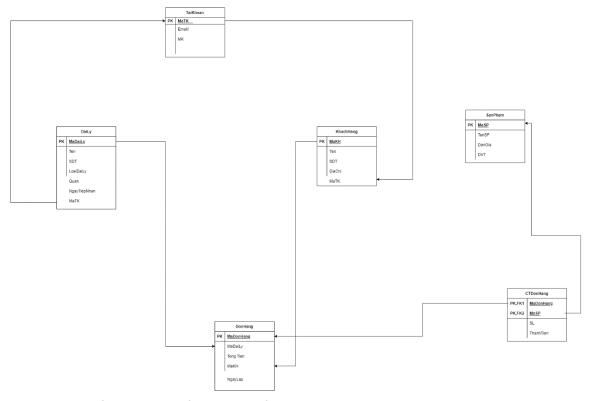
3.2.9 tìm kiếm



3.2.10 giảm giá



Chương 4 thiết kế dữ liệu 4.1 sơ đồ logic



4.2 mô tả chi tiết các thành phần trong sơ đồ logic

4.2.1 đơn hàng.

stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Rang buộc	Diễn giải
1	MaDonHang	Char(12)	Khóa chính	Mã đơn hàng
2	MaDaiLy	Char(6)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến đại lý
4	TongTien	interger		Tổng tiền
5	МаКН	Char(6)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến khách hàng
6	NgayLap	datatime		Ngày lập

4.2.2 Sản phẩm

stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	MaSp	Char(9)	Khóa chính	Mã sản phẩm

2	TenSP	Varchar(20)	Tên sản phẩm
3	DonGia	interger	Đơn giá
4	DVT	Char(9)	Đơn vị tính

4.2.3 Đại lý

Stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	MaDaiLy	Char(6)	Khóa chính	Mã đại lý
2	Ten	Varchar(40)		Tên của đại lý
3	Sdt	Char(10)		Số điện thoại
4	Quan	Varchar(15)		Quận
5	Ngaytiepnhan	datatime		Ngày tiếp nhận
6	Matk	Char(12)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến tài khoản

4.2.4 Khách hàng

Stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	Makh	Char(6)	Khóa chính	Mã khách hàng
2	Ten	Varchar(20)		Tên khách hàng
3	Sdt	interger		Số điện thoại
4	Diachi	text		Địa chỉ
5	Matk	char(12)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến tài khoản

4.2.5 Chi tiết đơn hàng

Stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	Madonhang	Char(12)	Khóa chính,	Tham chiếu đến
			khóa ngoại	đơn hàng

2	Masp	Char(9)	Khóa chính,	Tham chiếu đến
			khóa ngoại	sản phẩm
3	Sl	interger		Số lượng sản
				phẩm
4	thành tiền	Interger		=Số lượng*đơn
				giá

4.2.6 Đơn hàng

Stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	Madonhang	Char(12)	Khóa chính	Mã đơn hàng
2	Madaily	Char(6)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến đại lý
3	Makh	Char(6)		Mã khách hàn g
4	Tổng tiền	interger		Giá trị của sản phẩm có trong đơn hàng
5	Ngaylap	datatime		Ngày lập

4.2.7 tài khoản

Stt	Thuộc tính và hàm	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	Matk	Char(12)	Mã tài khoản
2	Email	text	Địa chỉ email
3	Mk	Varchar(32)	Mật khẩu

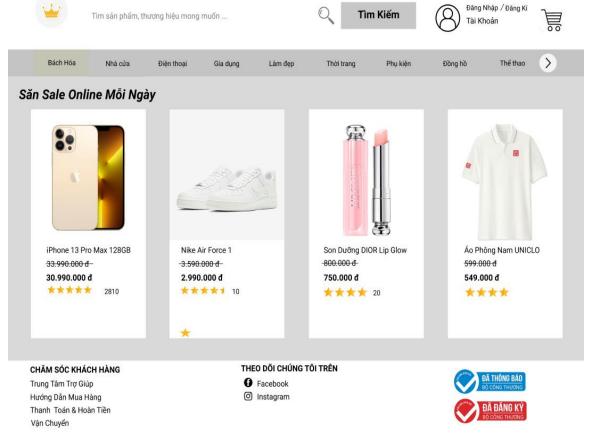
CHƯƠNG 5. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

5.1 Danh sách các màn hình

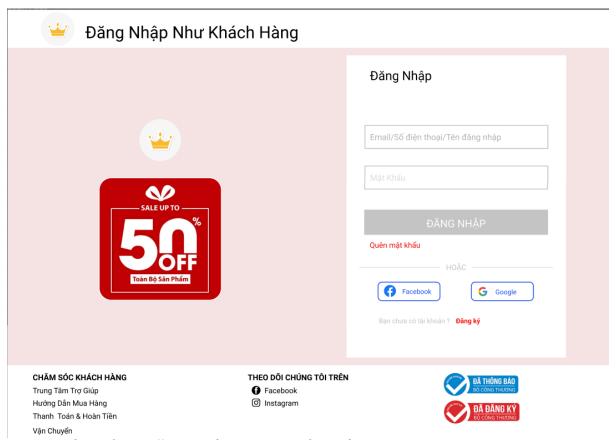
STT	Tên màn hình	Loại màn hình	Chức năng
1	Đăng nhập	Màn hình nhập liệu	Cho phép người dung
			đăng nhập

1.1	Đăng nhập như khách hàng	Màn hình nhập liệu	Cho phép khách hang đăng nhập
1.2	Đăng nhập như đại lí	Màn hình nhập liệu	Cho phép đại lí đăng nhập
2	Trang chủ	Màn hình chính, Màn hình tra cứu	Hiển thị thông tin danh mục sản phẩm và các sản phẩm bán chạy
3	Đăng kí	Màn hình nhập liệu	Cho phép khách hàng đăng kí tài khoản
4	Chi tiết sản phẩm	Màn hình tra cứu	Xem mô tả về sản phẩm, mức đánh giá, người dùng có thể chọn mua hoặc them vào giỏ hang, có thể chọn số lượng muốn mua
5	Danh mục sản phẩm	Màn hình tra cứu	Tra cứu sản phẩm nhanh hơn
5.1	Danh mục bách hóa	Màn hình tra cứu	Tra cứu sản phẩm
5.2	Danh mục Nhà cửa	Màn hình tra cứu	Tra cứu sản phẩm
6	Sån phâm trong shop	Màn hình nhập liệu	Them sửa xóa sản phẩm

- 5.2 Mô tả chi tiết các màn hình 5.2.1 Màn hình trang chủ

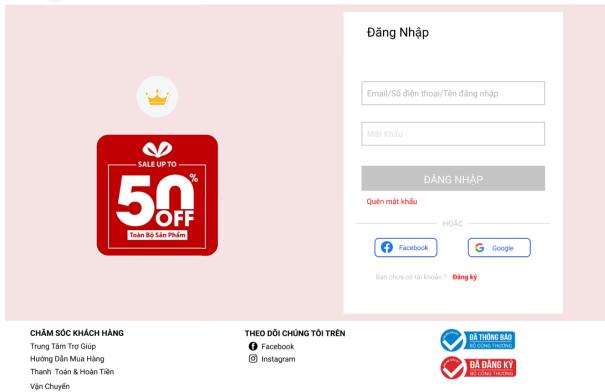


5.2.2 Màn hình đăng nhập cho khách hàng



5.2.3 Màn hình đăng nhập cho người bán

🖖 Đăng Nhập Như Người Bán



5.2.4 Màn hình quên mật khẩu



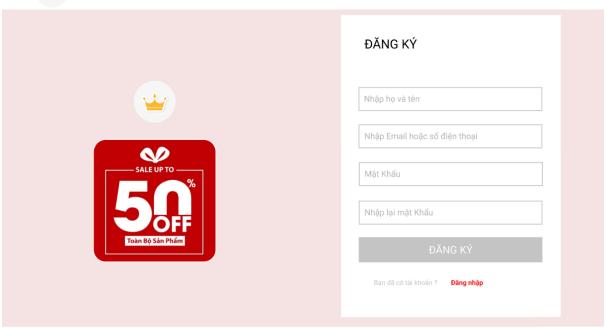
O Instagram

vận Chuyển 5.2.5 Màn hình đăng kí

Hướng Dẫn Mua Hàng Thanh Toán & Hoàn Tiền



Đăng ký



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Trung Tâm Trợ Giúp Hướng Dẫn Mua Hàng Thanh Toán & Hoàn Tiền Vận Chuyển

5.2.6 Đặt lại mật khấu

THEO DÕI CHÚNG TÔI TRÊN

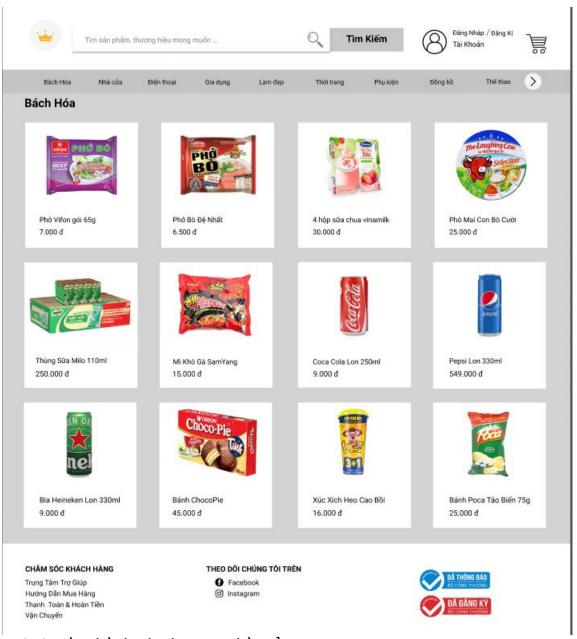
• Facebook

☐ Instagram

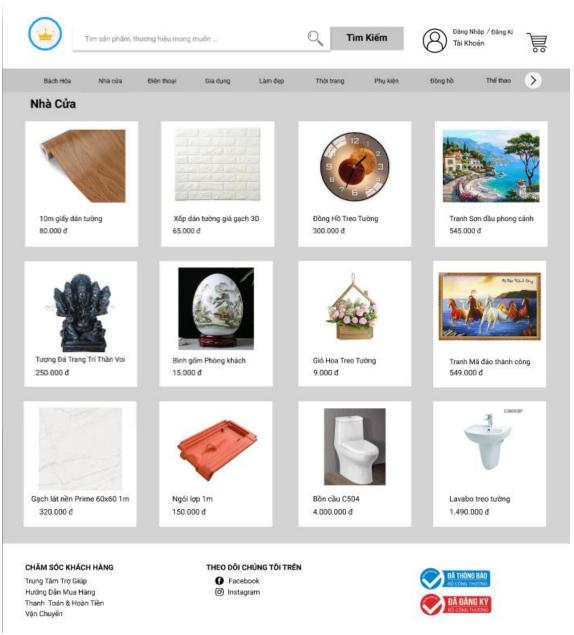




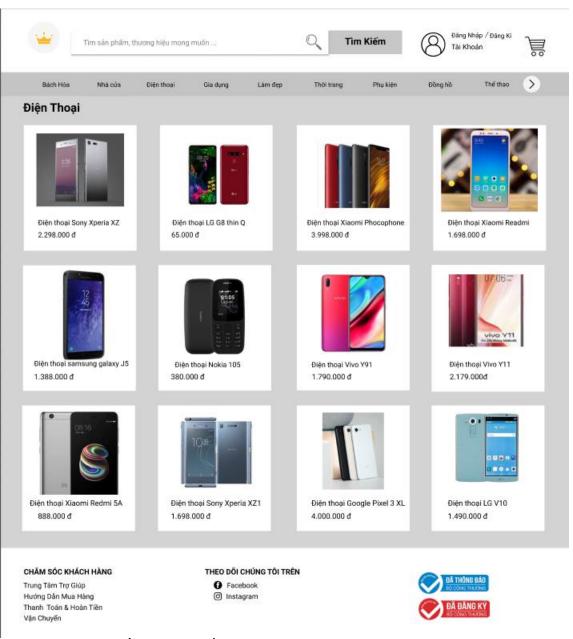
5.2.7 Màn hình danh mục bách hóa



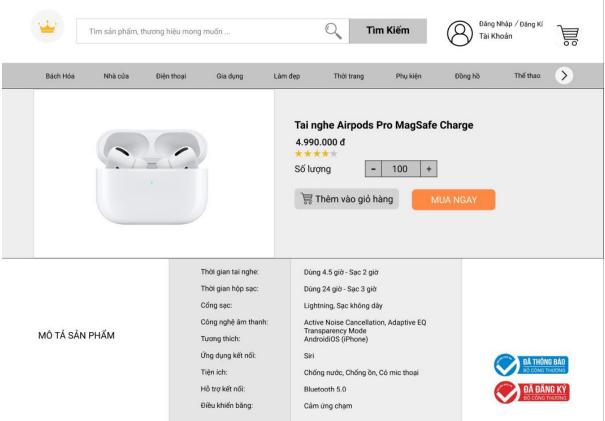
5.2.8 Màn hình danh mục nhà cửa



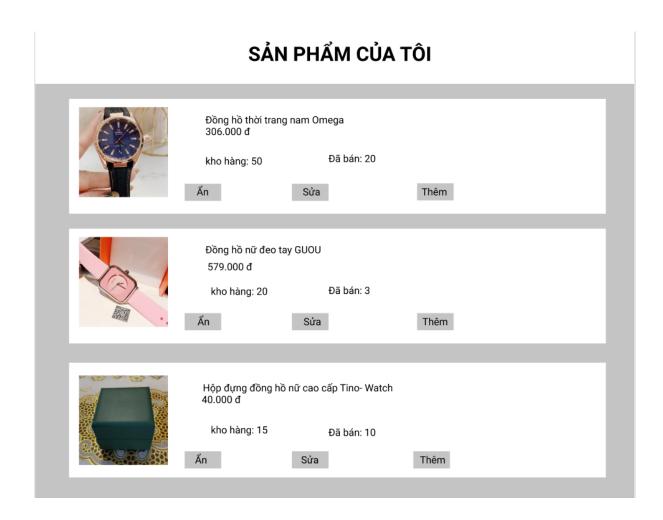
5.2.9 Màn hình danh mục điện thoại



5.2.10 Chi tiết sản phấm



5.2.11 Màn hình quản lí sản phẩm



I. CHƯƠNG 6. KẾT LUẬN

A. 6.1. Môi trường phát triển và môi trường triển khai

STT	Tên yêu cầu	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
1	Đăng nhập	70%	Có form, chưa chức năng
2	Đăng xuất	0%	
3	Đăng ký	70%	Có form, chưa chức năng

4	Lập phiếu bán hàng	0%	
5	Thêm / xóa / sửa sản phẩm	0%	
6	Thêm / xóa / sửa khách hàng	0%	
7	Thêm / xóa / sửa khách hàng	0%	
8	Thêm / xóa / sửa tài khoản	0%	

B. 6.2. Kết quả đạt được

a) 6.1.1. Ưu điểm

- Độ tin cậy: Hệ thống có thể kiểm tra dữ liệu nhập vào và cho phép tự động thực hiện một số đối chiếu và tìm những bản ghi có sự chênh lệch về dữ liệu, thông báo các số liệu nhập sai để có hướng khắc phục.
- Tính bảo mật: hệ thống phân quyền rõ ràng với từng loại tài khoản, tương ứng với quyền hạn của các chức vụ khác nhau.

2. 6.1.2. Nhược điểm

- Chưa tối ưu cho các dòng máy về web
- Còn nhiều thao tác chưa tối ưu nên chưa được trải nghiệm tốt nhất

II. 6.3. Hướng phát triển

- Tạo thêm môi trường chạy ứng dụng trên các nền tảng Mobile để tăng tính tiên lơi
- Chung cấp chức năng nhập dữ liệu từ bên ngoài (từ bảng tính Excel, Access,

...) .

 Cung cấp các chức năng xuất dữ liệu (In hóa đơn, tạo mã vạch, xuất báo cáo dưới dạng PDF, ...) Cung cấp các chức năng quản lý tài chính (quản lý danh sách từng doanh mục thu chi của các cửa hàng)

III. 6.4. Tài liệu tham khảo

Tài liệu	Nguồn
Slide môn học Nhập môn Công nghệ phần mềm	Thầy: Nguyễn Tuấn Nam Thầy: Vũ Tuấn Hải
Báo cáo cuối kì môn Nhập môn Công nghệ phần mềm, đề tài Quản lý Tiệc Cưới	Nhóm sinh viên trường Đại học Công nghệ thông tin
Báo cáo cuối kì môn Nhập môn Công nghệ phần mềm, đề tài Quản lý Cửa	
Hàng Vàng Bạc Đá Qúy	

IV.

V. 6.5. Bảng phân chia công việc

STT	TÊN	MSSV	CÔNG VIỆC
1	Phạm Minh Quang	19522099	Code FE, Figma, Viết báo cáo
2	Trần Lương Tiến Sĩ	19522128	Code FE, Viết báo cáo
3	Lê Văn Phúc	19522033	Viết báo cáo, code BE